

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và áp dụng trình tự, thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 1348/SNNMT-QLĐĐ ngày 03/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nội dung và thời hạn ủy quyền

1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai; phê duyệt phương án sử dụng đất lúa của cá nhân quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai;

b) Quyết định thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai mà thuộc trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng; Quyết định thu hồi đất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai;

c) Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai;

d) Ban hành Thông báo thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai; quyết định kiểm đếm bắt buộc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai; quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Đất đai; quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Đất đai; quyết định thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 4 Điều 89 Luật Đất đai; phê duyệt phương án cưỡng chế và dự toán kinh phí cho hoạt động cưỡng chế quy định tại điểm b khoản 5 Điều 89 Luật Đất đai; Quyết định thành lập Ban cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

đ) Quyết định giá bán nhà ở tái định cư trong địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai;

e) Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai, Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai, Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm cho các tổ chức. Trừ trường hợp dự án có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

g) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho các tổ chức;

h) Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;

i) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai;

k) Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai.

l) Có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế thực hiện tích tụ đất nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

m) Có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích của cá nhân quy định tại điểm b khoản 4 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

n) Phê duyệt phương án cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại điểm b khoản 6 Điều 108 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 01/7/2026. Trường hợp trước thời điểm nêu trên Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp hoặc văn bản khác thay thế nội dung ủy quyền quy định tại Quyết định này thì nội dung ủy quyền tương ứng chấm dứt hiệu lực kể từ ngày văn bản đó có hiệu lực.

Điều 2. Trình tự, thủ tục hành chính về đất đai

1. Áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành để tổ chức thực hiện. Cụ thể:

Các thủ tục hành chính đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố tại các Quyết định: Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025, Quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, quy định tại các Quyết định: Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 29/6/2025, Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 21/8/2025, Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 04/9/2025, Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 07/10/2025, Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 13/11/2025.

2. Thời gian áp dụng: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 01/7/2026. Trường hợp trước thời điểm nêu trên Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP thì việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt kể từ ngày Quyết định đó có hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm thực hiện các nội dung được ủy quyền nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nội dung được ủy quyền, báo cáo Ủy ban nhân

dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định. Chủ động bố trí điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên cơ sở trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này để tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Thuế tỉnh Lào Cai, Thanh tra tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Chánh VP, Phó Chánh VP (*đc Khanh*);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT (*Oanh, Quyết*).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước